

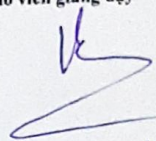
ĐIỂM MÔN HỌC: giữa KHÓA 2 LỚP 11A SÂN

ĐIỂM MÔN HỌC: 5/2 6/20 5/2 5/2													
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS23B101	Huỳnh Thị Diễm Chi	02/11/2001		7		7		70	50		58	
2	TCYS23B102	Trần Hữu Cường	25/02/1997		75		7		72	40		53	40
3	TCYS23B103	Nguyễn Trung Kiên	15/01/1997										
4	TCYS23B104	Nguyễn Văn Sơn	07/02/1988		75		7		70	50		59	
5	TCYS23B105	Vũ Thị Hà	02/10/1989		75		75		75	50		60	
6	TCYS23B106	Trần Đức Khấn	23/06/1987		75		7		72	50		59	
7	TCYS23B107	Hà Chí Hiên	13/02/1988		75		7		72	50		59	
8	TCYS23B108	Cao Xuân Hùng	22/12/1987										
9	TCYS23B109	Nguyễn Thị Yên	28/10/1988		7		7		70	50		58	
10	TCYS23B110	Đặng Kim Dinh	08/04/1996		75		7		72	50		59	
11	TCYS23B111	Trần Song Huynh	09/06/1994		7		75		73	3.8		52	
12	TCYS23B112	Đoàn Anh Tài	24/03/1999										
13	TCYS23B113	Quách Thủy Bằng	02/07/1997		8		75		77	55		64	
14	TCYS23B114	Quách Thủy An	21/04/2006		7		75		73	5.1		60	
15	TCYS23B115	Trần Văn Thắng	11/10/1989		75		7		72	50		59	
16	TCYS23B116	Nguyễn Công Chính	29/12/2000		7		6		63	50		55	
17	TCYS23B117	Đoàn Xuân Vượng	16/09/1991		75		7		72	50		59	
18	TCYS23B118	Nguyễn Văn Tây	13/02/1991		7		75		73	43		55	
19	TCYS23B119	Nguyễn Bá Nguyên	15/09/1990										
20	TCYS23B120	Nguyễn Mạnh Khương	20/11/1997		75		7		72	54		62	
21	TCYS23B121	Nguyễn Đức Quân	24/10/1996		7		75		73	3.4		50	
22	TCYS23B122	Nguyễn Ngọc Vương	20/10/1993		7		75		73	50		59	
23	TCYS23B123	Nguyễn Đình Anh	12/04/2004		7		75		73	50		59	
24	TCYS23B124	Phạm Thị Như Ngọc	25/04/1995										
25	TCYS23B125	Lê Thị Bích Huệ	10/02/1997										
26	TCYS23B126	Đỗ Như Ngọc	23/11/1995		6		65		63	55		58	
27	TCYS23B127	Ngô Thanh Đoàn	07/12/1995		75		7		72	55		62	
28	TCYS23B128	Nguyễn Minh Ánh	21/10/2004		7		7		70	50		58	

29	TCYS23B129	Nguyễn Thị Hào	15/02/2002		7	75	73	-	-	VCP
30	TCYS23B130	Bùi Văn Huy	14/03/2008		7	75	73	50	59	
31	TCYS23B131	Lưu Văn Hòa	20/11/2000		65	6	62	41	49	
32	TCYS23B132	Nguyễn Ngọc Tâm	16/06/1986							
33	TCYS23B133	Thạch Dương Hoài Phát	30/06/2004		7	75	73	58	64	
34	TCYS23B134	Nguyễn Nhật Huy	20/02/2000		6	65	63	57	59	
35	TCYS23B135	Chung Phạm Hồng Hạnh	26/06/2004		7	75	73	50	59	
36	TCYS23B136	Trần Hữu Sơn	02/02/1996		75	7	72	53	61	
37	TCYS23B137									
38	TCYS23B138									
39	TCYS23B139									
40	TCYS23B140									

Tổng số học sinh
phải thi lại:

Cần Thơ, ngày tháng năm
Giáo viên giảng dạy


Phạm Thủy Hằng

ĐIỂM MÔN HỌC:

Nữ Thi Hảo	
Nữ Nhật	thuy
Bùi Văn	thuy
Nữ Ngọc	Tâm
Thạch Diễm Châu	Phát
Lưu Văn Hòa	

Tổng số học sinh
phải thi lại:

Giáo viên giảng dạy

viên giảng dạy

Hoàng

Đỗ Văn The

ĐIỂM MÔN HỌC:

B131	Nguyen Minh Anh	2
	Nguyễn Huệ	
	Thạch Diệu Thoại Phát	
	Nguyễn Tân	
	Đài Văn Huệ	
	Lưu Văn Huệ	
	Ngô Thị Hào	

86 bài 30

Giáo viên giảng dạy

Week
AS was the

ĐIỂM MÔN HỌC: Định học nội khoa

STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS23B101	Huỳnh Thị Diễm Chi	02/11/2001		7.0		7.0		7.0	5.9		6.3	
2	TCYS23B102	Trần Hữu Cường	25/02/1997		6.0		6.0		6.0	4.8		5.3	
3	TCYS23B103	Nguyễn Trung Kiên	15/01/1997		5.0		7.0		6.3	—		—	L2 ✓
4	TCYS23B104	Nguyễn Văn Sơn	07/02/1988		6.0		7.0		6.7	5.9		6.2	
5	TCYS23B105	Vũ Thị Hà	02/10/1989		6.0		7.0		6.7	5.2		5.8	
6	TCYS23B106	Trần Đức Khấn	23/06/1987		6.0		6.0		6.0	5.5		5.7	
7	TCYS23B107	Hà Chi Hiền	13/02/1988		6.0		7.0		6.7	5.5		6.0	
8	TCYS23B108	Cao Xuân Hùng	22/12/1987		—		—						
9	TCYS23B109	Nguyễn Thị Yên	28/10/1988		6.0		6.0		6.0	6.1		6.1	
10	TCYS23B110	Đặng Kim Dinh	08/04/1996		5.0		7.0		6.3	5.4		5.8	
11	TCYS23B111	Trần Song Huỳnh	09/06/1994		6.0		6.0		6.0	5.9		5.9	
12	TCYS23B112	Đoàn Anh Tài	24/03/1999		—		—						
13	TCYS23B113	Quách Thủy Băng	02/07/1997		6.0		7.0		6.7	5.7		6.1	
14	TCYS23B115	Quách Thủy An	21/04/2006		6.0		6.0		6.0	4.9		5.3	
15	TCYS23B115	Trần Văn Thắng	11/10/1989		5.0		7.0		6.3	5.7		5.9	
16	TCYS23B116	Nguyễn Công Chính	29/12/2000		6.0		6.0		6.0	5.9		5.9	
17	TCYS23B117	Đoàn Xuân Vượng	16/09/1991		5.0		7.0		6.3	5.4		5.8	
18	TCYS23B118	Nguyễn Văn Tây	13/02/1991		6.0		6.0		6.0	5.8		5.9	
19	TCYS23B119	Nguyễn Bá Nguyên	15/09/1990										
20	TCYS23B120	Nguyễn Mạnh Khương	20/11/1997		6.0		7.0		6.7	5.8		6.2	
21	TCYS23B121	Nguyễn Đức Quân	24/10/1996		6.0		6.0		6.0	5.7		5.8	
22	TCYS23B122	Nguyễn Ngọc Vương	20/10/1993		5.0		7.0		6.3	5.8		6.0	
23	TCYS23B123	Nguyễn Đình Anh	12/04/2004		5.0		7.0		6.3	4.9		5.5	
24	TCYS23B124	Phạm Thị Như Ngọc	25/04/1995		—		—						
25	TCYS23B125	Lê Thị Bích Huệ	10/02/1997		—		—						
26	TCYS23B126	Đỗ Như Ngọc	23/11/1995		6.0		6.0		6.0	6.5		6.3	
27	TCYS23B127	Ngô Thanh Đoàn	07/12/1995		5.0		7.0		6.3	4.9		5.5	
28	TCYS23B128	Trần Hữu Sơn	02/02/1996		5.0		7.0		6.3	5.1		5.6	
29	TCYS23B129	Chung Phạm Hồng Hạnh	26/04/2004		6.0		7.0		6.7	4.9		5.6	
30	TCYS23B130	Phạm Thị Hân	15/02/2002		—		—						
31	TCYS23B131	Nguyễn Minh Anh	21/10/2004		6.0		7.0		6.7	5.6		6.0	
32		Thạch Đạt Thái Phát			6.0		6.0		6.0	5.1		5.5	
33		Nguyễn Thị Hào			6.0		6.0		6.0	—		—	VCP
34		Lưu Văn Hòa			5.0		6.0		5.7	5.4		5.5	
35		Ngô Nhật Huy			5.0		6.0		5.7	5.1		5.3	
36		Bùi Văn Hưng			5.0		6.0		5.7	5.5		5.6	
37													
38													
39													
40													

Tổng số học sinh
phải thi lại:

Học sinh đại kiểm tra: 29

Cần Thơ, ngày 09... tháng 3... năm 2024
Giáo viên giảng dạy

(Signature)
Đỗ VănTEE

ĐIỂM MÔN HỌC: PHẦN MỘT LẦN ĐIỂM

ĐIỂM MÔN HỌC: ... ~~ĐIỂM~~ ... ~~ĐIỂM~~ ... ~~ĐIỂM~~ ...													
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS23B101	Huỳnh Thị Diễm Chi	02/11/2001		6.5		7		6.8	60		63	
2	TCYS23B102	Trần Hữu Cường	25/02/1997		5.5		7		6.5	60		62	
3	TCYS23B103	Nguyễn Trung Kiên	15/01/1997										
4	TCYS23B104	Nguyễn Văn Sơn	07/02/1988		6		7		6.7	65		66	
5	TCYS23B105	Vũ Thị Hà	02/10/1989		8		7		7.3	60		65	
6	TCYS23B106	Trần Đức Khấn	23/06/1987		7		7.5		7.3	65		68	
7	TCYS23B107	Hà Chi Hiền	13/02/1988		8		7		7.3	60		65	
8	TCYS23B108	Cao Xuân Hùng	22/12/1987										
9	TCYS23B109	Nguyễn Thị Yên	28/10/1988		5.5		8		7.2	80		77	
10	TCYS23B110	Đặng Kim Dinh	08/04/1996		7		7.5		7.3	60		65	
11	TCYS23B111	Trần Song Huynh	09/06/1994		7.5		6.5		6.8	65		66	
12	TCYS23B112	Đoàn Anh Tài	24/03/1999										
13	TCYS23B113	Quách Thúy Băng	02/07/1997		7.0		7.5		7.3	90		83	
14	TCYS23B115	Quách Thúy An	21/04/2006		7.5		8		7.8	90		85	
15	TCYS23B115	Trần Văn Thắng	11/10/1989		7		7		7.0	60		64	
16	TCYS23B116	Nguyễn Công Chính	29/12/2000		8		7		7.3	60		65	
17	TCYS23B117	Đoàn Xuân Vượng	16/09/1991		7		8		7.7	60		67	
18	TCYS23B118	Nguyễn Văn Tây	13/02/1991		6		7		6.7	65		66	
19	TCYS23B119	Nguyễn Bá Nguyên	15/09/1990										
20	TCYS23B120	Nguyễn Mạnh Khương	20/11/1997		7		8		7.7	85		82	
21	TCYS23B121	Nguyễn Đức Quân	24/10/1996		8		7		7.3	60		65	
22	TCYS23B122	Nguyễn Ngọc Vượng	20/10/1993		6.5		6.5		6.5	60		62	
23	TCYS23B123	Nguyễn Đình Anh	12/04/2004		7		6		6.3	80		73	
24	TCYS23B124	Phạm Thị Như Ngọc	25/04/1995		6		7.5						không học
25	TCYS23B125	Lê Thị Bích Huệ	10/02/1997										
26	TCYS23B126	Đỗ Như Ngọc	23/11/1995		6		7.5		7.0	75		73	
27	TCYS23B127	Ngô Thanh Đoàn	07/12/1995		6.5		6.0		6.2	80		73	
28	TCYS23B128	Nguyễn Minh Ánh	21/10/2004		7.5		7.0		7.2	65		68	

ĐIỂM MÔN HỌC: Y Học Cơ Bản

STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS23B101	Huỳnh Thị Diễm Chi	02/11/2001		75	8			78	50		61	
2	TCYS23B102	Trần Hữu Cường	25/02/1997		8	8			80	50		62	
3	TCYS23B103	Nguyễn Trung Kiên	15/01/1997										
4	TCYS23B104	Nguyễn Văn Sơn	07/02/1988		75	75			75	50		60	
5	TCYS23B105	Vũ Thị Hà	02/10/1989		7	8			77	55		64	
6	TCYS23B106	Trần Đức Khấn	23/06/1987		8	7			73	60		65	
7	TCYS23B107	Hà Chí Hiền	13/02/1988		75	8			78	60		67	
8	TCYS23B108	Cao Xuân Hùng	22/12/1987										
9	TCYS23B109	Nguyễn Thị Yên	28/10/1988		8	8			80	50		62	
10	TCYS23B110	Đặng Kim Dinh	08/04/1996		75	7			72	50		59	
11	TCYS23B111	Trần Song Huynh	09/06/1994		7	8			77	60		67	
12	TCYS23B112	Đoàn Anh Tài	24/03/1999										
13	TCYS23B113	Quách Thúy Băng	02/07/1997		7	8.5			80	60		68	
14	TCYS23B114	Quách Thúy An	21/04/2006		7.5	8			78	70		73	
15	TCYS23B115	Trần Văn Thắng	11/10/1989		75	8			78	50		61	
16	TCYS23B116	Nguyễn Công Chính	29/12/2000		5	6			57	50		53	
17	TCYS23B117	Đoàn Xuân Vượng	16/09/1991		70	6			63	5.5		58	
18	TCYS23B118	Nguyễn Văn Tây	13/02/1991		75	75			75	60		66	
19	TCYS23B119	Nguyễn Bá Nguyên	15/09/1990										
20	TCYS23B120	Nguyễn Mạnh Khương	20/11/1997										
21	TCYS23B121	Nguyễn Đức Quân	24/10/1996		6	6			60	50		54	
22	TCYS23B122	Nguyễn Ngọc Vương	20/10/1993		75	85			82	55		66	
23	TCYS23B123	Nguyễn Đình Anh	12/04/2004		6	8			73	60		65	
24	TCYS23B124	Phạm Thị Như Ngọc	25/04/1995										
25	TCYS23B125	Lê Thị Bích Huệ	10/02/1997										
26	TCYS23B126	Đỗ Như Ngọc	23/11/1995		7	8			77	50		61	
27	TCYS23B127	Ngô Thanh Đoàn	07/12/1995		75	9			85	65		73	
28	TCYS23B128	Nguyễn Minh Ánh	21/10/2004		8	6			67	60		63	

